

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công 4 tháng đầu năm 2025 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1994/QĐ-UBND ngày 29/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-HDND ngày 19/12/2024 của HDND huyện thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 1094-KL/HU ngày 24/5/2025 của Huyện ủy tại cuộc họp Thường trực Huyện ủy lần thứ 22/2024 (chiều ngày 20/5/2025);

Căn cứ Kết luận số 1095-KL/HU ngày 24/5/2025 của Huyện ủy tại cuộc họp Ban Thường vụ Huyện ủy lần thứ 183 (chiều ngày 21/5/2025);

Trên cơ sở kết quả thực hiện của các chủ đầu tư và số liệu giải ngân của Phòng Giao dịch số 05 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI, UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện 4 tháng năm 2025 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, cụ thể như sau:

1. Kết quả giải ngân 4 tháng đầu năm 2025:

1. Kết quả giải ngân:

Tổng kế hoạch vốn năm 2025 giao: 446,7 tỷ đồng. Giải ngân đến ngày 11/5/2025 là: 185,018 tỷ đồng, đạt 41,42% KHV và đạt 75,34% vốn thực hiện trong đó:

- Vốn tỉnh quản lý: 135,752/362,0 tỷ đồng, đạt 37,50% KHV và đạt 84,18% vốn thực nhận (160,886 tỷ đồng).

- Vốn huyện quản lý: 49,266/84,700 tỷ đồng, đạt 58,16% KHV.

2. Kết quả giải ngân phân theo nguồn vốn, chương trình:

- Nguồn phân cấp theo định mức: 26,761/28,600 tỷ đồng, đạt 93,57% KHV.

- Nguồn tiền sử dụng đất: 22,505/44,1 tỷ đồng, đạt 51,03% KHV.

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 12 tỷ đồng UBND tỉnh giao tại Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 (Trong đó: Xã Tân Lợi NTM nâng cao 6 tỷ đồng; xã Thuận Phú NTM kiểu mẫu 6 tỷ đồng). UBND huyện đã chấp thuận danh mục (Công văn số 1652/UBND-KT ngày 25/4/2025). Hiện các đơn vị đang lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật gửi Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thẩm định.

3. Kết quả giải ngân theo vốn giao các chủ đầu tư:

Ban QLCTDA huyện đạt 43,06% KHV (Trong đó: Vốn tỉnh đạt 37,50% KHV; Vốn huyện đạt 72,77% KHV), Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chưa giải ngân. Vốn xây dựng đường BTXM đã giao UBND các xã: Thuận Phú, Đồng Tâm,



Tân Tiến, Đồng Tiến chưa giải ngân.

(Kèm theo Biểu 01,02,03,04 và các Phụ lục).

4. Đánh giá chung và nguyên nhân:

4.1. Đánh giá chung:

Dưới sự chỉ đạo đôn đốc thường xuyên của Thường trực Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo các đơn vị kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện, công tác lập, thẩm định hồ sơ chuẩn bị đầu tư các dự án. Kết quả thực hiện năm 2025 tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 41,42% KHV và đạt 75,34% vốn thực nhận, cao hơn 5,72 điểm % so với cùng kỳ năm 2024 (cùng kỳ năm 2024 là 35,70%), xếp vị trí thứ 3 trong kết quả giải ngân vốn của tỉnh. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới UBND tỉnh phân bổ vào cuối tháng 2/2025 hiện các đơn vị đang triển khai thực hiện.

4.2. Nguyên nhân:

- Một số dự án chuyển tiếp đang tập trung thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

- Vốn bê tông xi măng 4,0 tỷ đồng, UBND huyện đã giao: 3,331 tỷ đồng cho các xã: Thuận Phú, Đồng Tâm, Tân Tiến, Đồng Tiến hiện đang thực hiện, chưa giải ngân. Còn lại UBND các xã Tân Lập, Thuận Lợi đang thực hiện các bước trình giao vốn (do phải điều chỉnh tên dự án vì nhầm lẫn tên danh mục và tên dự án dài bị dư ký tự trong việc mở mã dự án).

- Vốn xây dựng nông thôn mới 12,0 tỷ đồng đang thực hiện hồ sơ phân bổ vốn chi tiết (Hiện các đơn vị đang lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật gửi Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thẩm định).

II. Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công năm 2025:

1. Kế hoạch vốn giao đầu năm 2025 là: 91,7 tỷ đồng ⁽¹⁾.

2. Kế hoạch vốn dự kiến bổ sung năm 2025 là: 36,677 tỷ đồng ⁽²⁾.

3. Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2025:

Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2025: là **128,377** tỷ đồng, tăng **36,677** tỷ đồng so với kế hoạch vốn giao tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của HĐND huyện ($128,377 \text{ tỷ đồng} - 91,7 \text{ tỷ đồng} = 36,677 \text{ tỷ đồng}$), bao gồm:

- Nguồn vốn phân cấp theo định mức: 28,6 tỷ đồng (không thay đổi so với đầu năm 2025).

- Nguồn thu sử dụng đất: 73,5 tỷ đồng (Tăng 29,4 tỷ đồng so với đầu năm 2025).

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 12,0 tỷ đồng (Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh), trong đó:

⁽¹⁾ Tổng 91,7 tỷ đồng, trong đó: Vốn phân cấp theo định mức 28,6 tỷ đồng; Thu tiền sử dụng đất 44,1 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 9,0 tỷ đồng; Nguồn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng duyên hải miền đông: 10 tỷ đồng

⁽²⁾ Tổng 36,677 tỷ đồng, trong đó: Điều chỉnh tăng thu tiền sử dụng đất 29,4 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tăng: 3,0 tỷ đồng. Kết dư XDCB năm 2024: 4,277 tỷ đồng.

+ Xã Tân Lợi đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 6 tỷ đồng (Giảm 3 tỷ đồng so với đầu năm 2025).

+ Bổ sung xã Thuận Phú nông thôn mới kiểu mẫu: 6,0 tỷ đồng.

- Nguồn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 10,0 tỷ đồng (không thay đổi so với đầu năm 2025).

- Nguồn vốn kết dư xây dựng cơ bản năm 2024: 4,277 tỷ đồng.

4. Phương án bố trí kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2025 là: 128,377 tỷ đồng (Biểu số 05,06 và các Phụ lục 6.1, 6.2, 6.3 chi tiết), trong đó:

4.1. Bố trí vốn các công trình chuyển tiếp: 95,942 tỷ đồng (Phụ lục 6.1).

4.2. Bố trí vốn tất toán các công trình quyết toán: 4,749 tỷ đồng (Phụ lục 6.2).

4.3. Khởi công mới năm 2025 là: 17,686 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia: 0,986 tỷ đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 16,7 tỷ đồng, bao gồm:

+ Nông thôn mới nâng cao xã Tân Lợi: 6,0 tỷ đồng.

+ Nông thôn mới kiểu mẫu xã Thuận Phú: 6,0 tỷ đồng.

+ Xây dựng đường BTXM các xã: 4,7 tỷ đồng.

4.4. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 10,0 tỷ đồng.

5. Báo cáo nguồn vốn tỉnh quản lý: Kế hoạch vốn UBND tỉnh giao UBND huyện làm chủ đầu tư: **362,0 tỷ đồng (không thay đổi so với đầu năm 2025).**

III. Nhiệm vụ, giải pháp giải ngân vốn các tháng còn lại năm 2025:

1. Đề cao trách nhiệm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Công điện số 16/CD-TTg ngày 18/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc đẩy mạnh phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng của cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên; Công văn số 929/UBND-TH ngày 04/3/2025 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; Công văn số 1355/UBND-TH ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh về việc đôn đốc phân bổ, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; Công văn số 1870/UBND-TH ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh về việc đôn đốc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 03/3/2025 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện các nội dung Chương trình hành động số 27/CTr-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 04/3/2025 của UBND huyện về việc phát động Phong trào thi đua “Đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn huyện” năm 2025.

2. Các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn, các chủ đầu tư: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động rà soát trong quá trình triển khai thực hiện dự án, kịp thời tháo gỡ nhanh nhất những khó khăn, vướng mắc về các thủ tục liên quan thuộc lĩnh vực được phân công, đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt

bằng các dự án, theo dõi trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo UBND huyện cho ý kiến chỉ đạo đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND huyện.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi chặt chẽ việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn các dự án đảm bảo theo đúng quy định, hạn chế để kéo dài thời gian thanh toán kế hoạch vốn sang năm tiếp theo.

4. Tiếp tục duy trì giao ban định kỳ về giải ngân vốn đầu tư công để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho từng dự án cụ thể, từng chủ đầu tư, nhất là tập trung thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt, kịp thời, hiệu quả để đẩy mạnh việc giải ngân vốn đầu tư công và vốn Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Các chủ đầu tư tiếp tục công tác tuyên truyền, vận động người dân hiến đất, cây trồng; tập trung các giải pháp cụ thể tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực kỹ thuật và tài chính, kinh nghiệm để triển khai đúng tiến độ thi công, bảo đảm chất lượng công trình. Đối với các dự án đã triển khai thi công, đẩy nhanh tiến độ thi công theo đúng hợp đồng đã ký kết với các nhà thầu. Thường xuyên rà soát tiến độ giải ngân của các dự án, giải ngân vốn ngay khi có khối lượng hoàn thành. Đối với các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương phê duyệt quyết toán đảm bảo theo quy định.

6. Xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên năm 2025 của các cấp, các ngành, các chủ đầu tư, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Phòng Tài chính – Kế hoạch thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch vốn năm 2025; tiếp tục tham mưu UBND huyện duy trì giao ban định kỳ xây dựng cơ bản hàng tháng để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Theo dõi sát sao tiến độ thực hiện, giải ngân vốn của từng dự án, công trình để xem xét trình điều chỉnh, điều hòa kế hoạch vốn cuối năm 2025.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công 4 tháng đầu năm 2025 và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, UBND huyện báo cáo UBND tỉnh. Sở Tài chính, Huyện ủy, HĐND huyện xem xét./

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở: TC, NN và MT;
- TT.HU, TT HDND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban của HDND huyện;
- Đại biểu HDND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LDVP, CVKT;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Trân

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 26/5/2025 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025	Vốn thực nhận	Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Tỷ lệ %		Số vốn còn lại chưa giải ngân	Ghi chú
					Vốn theo Kế hoạch	Vốn thực nhận		
1	2	3	4	5	6=5/3	7=5/4	8	9
	Kế hoạch vốn năm 2025	446.700	245.586	185.018	41,42	75,34	261.682	
I	Vốn ngân sách tỉnh quản lý	362.000	160.886	135.752	37,50	84,38	226.248	
II	Vốn ngân sách huyện quản lý	84.700	84.700	49.266	58,16	58,16	35.434	
1	Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	28.600	28.600	26.761	93,57	93,57	1.839	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	44.100	44.100	22.505	51,03	51,03	21.595	
3	Vốn Chương trình MTQG nông thôn mới	12.000	12.000	0	0	0	12.000	
3.1	Nông thôn mới nâng cao xã Tân Lợi	6.000	6.000	0	0	0	6.000	
3.2	Nông thôn mới kiểu mẫu xã Thuận Phú	6.000	6.000	0	0	0	6.000	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
VỐN TÍNH QUẢN LÝ GIAO UBND HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 26/5/2025 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025		Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Tỷ lệ %		Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Vốn theo kế hoạch	Vốn thực nhận		Vốn theo kế hoạch	Vốn thực nhận	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7-6/4	8-6/5	9
	TỔNG CỘNG (I+II)		880.000	792.000	281.782	362.000	160.886	135.752	37,50	84,38	
I	Dự án chuyển tiếp		880.000	792.000	281.782	362.000	160.886	135.752	37,50	84,38	
1	Xây dựng đường trục chính từ DT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú (Truyền 2)	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	54.000	162.000	80.886	80.886	49,93	100	
2	Xây dựng đường từ T.HC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước (Truyền 4)	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	166.232	120.000	0	0	0,00	0,00	
3	Xây dựng đường giao thông từ DT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng (Truyền 5)	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	47.550	60.000	60.000	36.277	60,46	60,46	
4	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Do từ T.HC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	14.000	20.000	20.000	18.589	92,95	92,95	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 - HUYỆN ĐỒNG PHÚ

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 26/5/2025 của UBND huyện Đồng Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó			Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
						Nguồn vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao			
1	2	3	4	5	6	7	8				9
1	TỔNG CỘNG (A+B+C)			415.982	84.700	28.600	44.100	12.000	49.266	58,16	
A	DANH MỤC CHUYỂN TIẾP NĂM 2024			393.982	67.200	27.100	40.100	0	48.290	71,86	Phụ lục 3.1
B	BỔ TRÍ VỐN THEO CƠ CẤU			1.000	1.000	1.000	0	0	475	47,54	
I	Bổ trí tất toán các công trình đã quyết toán			500	500	500	0	0	475	95,08	Phụ lục 3.2
II	Bổ trí các danh mục chuẩn bị đầu tư			500	500	500	0	0	0	0,00	
C	DANH MỤC ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2025			21.000	16.500	500	4.000	12.000	500	3,03	
I	Đầu tư Trường chuẩn Quốc gia			1.000	500	500	0		500	100,00	
I	Mua sắm thiết bị 10 phòng (04 phòng phục vụ học tập và 06 phòng học) Trường MN Thuận Phú	Ban QLCEA huyện	4222/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND huyện	1.000	500	500	0		500	100	
II	Chương trình MTQG nông thôn mới			20.000	16.000	0	4.000	12.000	0	0,00	
I	Xây dựng đường BTXM các tuyến đường giao thông nông thôn các xã	UBND các xã		8.000	4.000	0	4.000		0	0	Phụ lục 3.3
2	Nông thôn mới nâng cao xã Tân Lợi			6.000	6.000	0	0	6.000	0	0	Phòng Tài chính - KH phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND huyện giao chi tiết vốn
3	Nông thôn mới kiểu mẫu xã Thuận Phú			6.000	6.000	0	0	6.000	0	0	

DANH MỤC CHIẾN LƯỢC NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Đồng Phú)

DVT: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025			Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
						Tổng số	Trong đó				
							Nguồn vốn tính phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất			
	2	3	4	5	6	7 - 8 - 9	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG			687.374	331.808	67.200	27.100	40.100	48.290	71,86	
I	Lĩnh vực giao thông, quy hoạch			290.450	137.900	22.500	9.900	12.600	18.735	83,27	
1	Xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập	Ban QLCTDA huyện	7554/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	180.000	52.500	15.000	5.000	10.000	15.000	100	
2	Đường kết nối huyện Đồng Phú với huyện Phú Riềng (Đết nối từ ĐT 758, xã Thuận Phú đến ranh huyện Phú Riềng)	Ban QLCTDA huyện	3372/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	8.000	7.000	1.000	400	600	67	6,7	
3	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông xã Tân Hòa đi xã Tân Lợi	Ban QLCTDA huyện	2117/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	90.000	73.000	4.000	2.000	2.000	1.668	41,7	
4	Nâng cấp láng nhựa đường từ dốc 5 tăng đi nhà văn hoá ấp 2, xã Đồng Tiến.	Ban QLCTDA huyện	5062/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.500	5.400	2.000	2.000	0	2.000	100	
5	Cắm mốc khu quy hoạch 100ha xã Tân Tiến; các Khu dân cư: ấp 1, ấp 4, xã Tân Lập; khu dân cư chợ Thuận Phú	Phòng Kinh tế và HT	5081/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.950	0	500	500	0	0	0,0	
II	Lĩnh vực xây dựng dân dụng			62.600	17.908	20.800	7.800	13.000	20.226	97,2	
1	Xây dựng Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện giai đoạn 2023-2025	Ban QLCTDA huyện	5064/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	58.800	15.088	20.000	7.000	13.000	19.426	97,1	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025			Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
						Tổng số	Trong đó				
							Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất			
1	2	3	4	5	6	7-8+9	8	9	10	11	12
2	Xây dựng nhà làm việc Một cửa và khối đoàn thể xã Đồng Tâm	Ban QLCDA huyện	5067/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.800	2.820	800	800	0	800	100	
III	Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia			17.900	10.095	3.900	3.900	0	3.766	96,6	
1	Mua sắm thiết bị 10 phòng chức năng và bộ môn Trường THCS Tân Lập	Ban QLCDA huyện	5071/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	3.200	2.495	700	700	0	566	80,8	
2	Xây dựng Trường PT DTNT và THCS Đồng Phú đạt chuẩn quốc gia (Hạng mục: nhà tập đa năng; Xây dựng nhà văn hóa; trang thiết bị;...)	Ban QLCDA huyện	5072/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.400	4.000	2.000	2.000	0	2.000	100	
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường TH và THCS Tân Hòa	Ban QLCDA huyện	5073/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.300	3.600	1.200	1.200	0	1.200	100	
IV	Chương trình MTQG nông thôn mới			22.000	12.100	5.500	5.500	0	5.485	99,7	
1	Xây dựng 04 phòng chức năng điểm chính, 01 phòng học điểm lẻ, các hạng mục phụ trợ và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường MN Tân Phước	Ban QLCDA huyện	5074/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.300	5.000	2.000	2.000	0	2.000	100,0	
2	Nâng cấp láng nhựa Đường Cây Diệp – Nam Đô (từ đường Lam Sơn - Tân Phước đến điểm trường tiểu học ấp Nam Đô)	Ban QLCDA huyện	5075/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.500	3.500	1.500	1.500	0	1.500	100	
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, nhà xe và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường TH Đồng Tiến	Ban QLCDA huyện	5076/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	7.200	3.600	2.000	2.000	0	1.985	99	
V	Các công trình chuyển tiếp vướng GPMB			294.424	153.805	14.500	0	14.500	78	0,5	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025			Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
						Tổng số	Trong đó				
							Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất			
1	2	3	4	5	6	7-8-9	8	9	10	11	12
1	Xây dựng đường quy hoạch D1- khu FTTC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	Ban QLCCDA huyện	4541/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	5.500	5.400	1.000	0	1.000	0	0,0	
2	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCCDA huyện	4541/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	7.787	2.500	500	0	500	0	0	
3	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCCDA huyện	4537/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	8.369	5.000	500	0	500	0	0	
4	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	Ban QLCCDA huyện	662/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	12.414	5.337	500	0	500	0	0	
5	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCCDA huyện	668/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	48.717	22.952	5.000	0	5.000	0	0	
6	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đỏ đến DT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	Ban QLCCDA huyện	10008/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	6.000	5.900	1.000	0	1.000	0	0	
7	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đỏ đến DT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCCDA huyện	668/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	26.638	8.400	500	0	500	0	0	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025			Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Tỷ lệ %	Ghi chú (Tiến độ thực hiện)
						Tổng số	Trong đó				
							Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất			
1	2	3	4	5	6	7-8-9	8	9	10	11	12
8	Sân lấp mặt bằng QH KDC ấp 4, xã Đồng Tâm	Ban QLCTDA huyện	668/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	2.100	2.039	500	0	500	0	0	
9	Tuyến số 1: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 02): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km51+450, ấp 2, xã Tân Lập), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giáp đường trục khu tái định cư khoảng Km35), dài 10,48Km; quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến 5,6/10,48Km, lộ giới 32m	Ban QLCTDA huyện	QĐ số 663 ngày 01/3/2023	69.303	26.125	1.000	0	1.000	0	0	
10	Tuyến số 2: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km32+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,8Km, lộ giới 65m	Ban QLCTDA huyện	QĐ số 664 ngày 01/3/2023	46.132	40.366	2.000	0	2.000	78	4	
11	Tuyến số 4: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 05): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km60+100) cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km27+600). Quy mô: Chiều dài tuyến 8,2/10,5Km, lộ giới 42m	Ban QLCTDA huyện	QĐ số 665 ngày 01/3/2023	61.464	29.786	2.000	0	2.000	0	0	

BIỂU BỐ TRÍ VỐN TẤT TOÀN CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Báo cáo số 217 /BC-UBND huyện Đồng Phú ngày 26/5/2025 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Đồng

S TT	Danh mục công trình	Mã DA	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2025 (Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức)	Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	2	3	4	5	6		7
Tổng cộng				500.000.000	475.400.000	95,08	
1	Xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Tân Tiến	7699574	Ban quản lý các dự án huyện	21.618.000	21.618.000	100	
2	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú	7922501	Ban quản lý các dự án huyện	13.493.127	13.493.127	100	
3	Xây dựng đường vào Điểm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, xã Đồng Tâm	7964831	Ban quản lý các dự án huyện	30.763.823	30.763.823	100	
4	Xây dựng đường DH Thuận Phú - Thuận Lợi (từ ĐT 758 vào ấp Đồng Búa), xã Thuận Phú	7950888	Ban quản lý các dự án huyện	113.748.560	89.148.560	78	
5	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT 753 đi nghĩa trang Nhân dân huyện Đồng Phú	7946625	Ban quản lý các dự án huyện	173.781.818	173.781.818	100	
6	Xây dựng chính trang Công viên Khu Dân cư tập trung huyện	7981048	Ban quản lý các dự án huyện	146.594.672	146.594.672	100	

**DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG
THEO CẤP HUYỆN ĐỒNG PHÚ NĂM 2025**

(Kèm theo Báo cáo số 21/B-UBND huyện Đồng Phú/2025 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Đồng

STT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư	Chiều dài (m)	Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Kế hoạch vốn năm 2025 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Tỷ lệ %	Ghi chú	
						Vốn NSNN hỗ trợ		Vốn Nhân dân đối ứng					
						Tổng cộng	Tỉnh hỗ trợ trực tiếp vật liệu (xi măng)						Hỗ trợ kinh phí
1	2	3	4	5	6-7-10	7-8-9	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng (A+B)				4.595.239.758	3.446.429.819	816.652.473	2.629.777.346	1.148.809.939	4.000.000.000	0	0	
A	Kế hoạch vốn đã phân bổ (I+...+IV)		3.180		4.595.239.758	3.446.429.819	816.652.473	2.629.777.346	1.148.809.939	3.330.658.752	0	0	
I	UBND xã Thuận Phú		2.000		3.487.360.940	2.615.520.706	632.455.299	1.983.065.407	871.840.234	1.983.065.407	0	0	
1	Xây dựng đường B1XM từ nhà bà Bùi Thị Thương đến nhà ông Nguyễn Công Thanh (Điểm đầu tư thửa đất số 383 đến thửa 446, tờ bản đồ số 28)	Cấp C	42	64/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	38.991.652	29.243.739	6.556.171	22.687.568	9.747.913	22.687.568	0	0	
2	Xây dựng đường B1XM từ nhà ông Nguyễn Văn Tịnh đến đất ông Khánh, ấp Bu Xăng (cơ 850 m nằm trong phạm vi đất của kênh thủy lợi); (Điểm đầu tư thửa số 118 tờ bản đồ số 50 đến thửa số 94 tờ bản đồ số 23)	Cấp B	1170	65/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	2.206.910.400	1.655.182.800	404.291.160	1.250.891.640	551.727.600	1.250.891.640	0	0	
3	Xây dựng đường B1XM từ đường nhựa hiện ấp Thuận Hải đến nhà ông Phạm Văn Tào (Điểm đầu tư thửa 43 đến thửa 218, tờ bản đồ số 52)	Cấp C	48	66/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	45.228.477	33.921.358	7.492.766	26.428.592	11.307.119	26.428.592	0	0	
4	Xây dựng đường B1XM từ nhà bà Đoàn Thị Diễm đến nhà bà Nguyễn Thị Lê ấp Đồng Bua (Điểm đầu tư thửa số 260-273 đến thửa số 286, tờ bản đồ số 4)	Cấp C	220	67/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	339.190.458	254.392.844	57.236.410	197.156.434	84.797.614	197.156.434	0	0	
5	Xây dựng đường B1XM từ nhà ông Nguyễn Hữu Đạo đến đất ông Lê Duy Huân, ấp Bu Xăng (Điểm đầu tư thửa số 178 đến thửa số 114, tờ bản đồ số 29)	Cấp B	220	68/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	291.165.492	218.374.119	53.214.392	165.159.727	72.791.373	165.159.727	0	0	
6	Xây dựng đường B1XM từ nhà ông Nguyễn Quý Ha đến đất nhà bà Nguyễn Thị Từ, ấp Thuận Hải (Điểm đầu tư thửa số 61 đến thửa số 44, tờ bản đồ số 64-11)	Cấp B	300	69/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	565.874.461	424.405.846	103.664.400	320.741.446	141.468.615	320.741.446	0	0	
B	UBND xã Đồng Tâm		600		569.740.214	427.305.161	93.659.580	333.645.581	142.435.053	333.645.581	0	0	

Stt	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư	Chiều dài (m)	Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã	Tổng mức đầu tư	Trong đó				Kế hoạch vốn năm 2025 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Tỷ lệ %	Ghi chú
						Vốn NSNN hỗ trợ			Vốn Nhân dân đối ứng				
						Tổng cộng	Tính hỗ trợ trực tiếp vật liệu (xi măng)	Hỗ trợ kinh phí					
1	2	3	4	5	6=7+10	7=8+9	8	9	10	11	12	13	14
1	Xây dựng đường BTXM ấp 4 từ nhà ông Chiêm Tôn Hàng đến rẫy ông Đặng Văn Muôn (Điểm đầu tư thửa số 235 tờ bản đồ số 63 điểm cuối thửa số 212 tờ bản đồ số 63)	Cấp C	250	53/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	237.391.756	178.043.817	39.024.825	139.018.992	59.347.939	139.018.992	0	0	
2	Xây dựng đường BTXM ấp 1 từ nhà ông Đàm Văn Toàn đến nhà ông Mai Văn Thuận (Điểm đầu tư thửa số 134 tờ bản đồ số 22 điểm cuối thửa số 21 tờ bản đồ số 22)	Cấp C	350	54/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	332.348.458	249.261.344	54.634.755	194.626.589	83.087.114	194.626.589	0	0	
III	UBND xã Tân Tiến		580		538.138.604	403.603.952	90.537.594	313.066.358	134.534.652	313.066.358	0	0	
1	Mở rộng 2 bên đường BTXM từ 9 ấp Minh Hòa (Điểm đầu tư thửa số 20 tờ bản đồ số 59 điểm cuối thửa số 98 tờ bản đồ số 56)	Cấp C	290	71/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	269.069.302	201.801.976	45.268.797	156.533.179	67.267.326	156.533.179	0	0	
2	Mở rộng 2 bên đường BTXM từ 19 ấp Minh Tân (Điểm đầu tư thửa số 60 tờ bản đồ số 57 điểm cuối thửa số 290 tờ bản đồ số 54)	Cấp C	290	72/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	269.069.302	201.801.976	45.268.797	156.533.179	67.267.326	156.533.179	0	0	
IV	UBND xã Đồng Tiến		1415		1.316.802.737	921.761.916	220.880.510	700.881.406	395.040.821	700.881.406	0	0	
1	Xây dựng đường BTXM đường đôi 1, ấp 6 (Điểm đầu tư thửa số 11 tờ bản đồ số 51 điểm cuối thửa số 04 tờ bản đồ số 43)	Cấp C	1.000	89/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	930.602.640	651.421.848	156.099.300	495.322.548	279.180.792	495.322.548	0	0	
2	Xây dựng đường BTXM nối dài đường đôi 1, ấp 5 nối dài (Điểm đầu tư thửa số 40, tờ bản đồ số 9 điểm cuối thửa số 28 tờ bản đồ số 37)	Cấp C	415	90/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	386.200.097	270.340.068	64.781.210	205.558.858	115.860.029	205.558.858	0	0	
B	Kế hoạch vốn chưa phân bổ									669.341.248			

TỔNG HỢP GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

NGUỒN VỐN GIAO CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 26/11/2025 của UBND huyện Đồng Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025	Giải ngân 11/5/2025	Tỷ lệ (%)	Số vốn còn lại chưa giải ngân	Ghi chú
1	2	3	4	5=4/3	6=3-4	7
	TỔNG CỘNG (I+II)	446.700	185.018	41,42	258.352	
I	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025	446.700	185.018	41,42	258.352	
1	Ban Quản lý các dự án huyện	429.700	185.018	43,06	244.682	
-	Vốn ngân sách tỉnh	362.000	135.752	37,50	226.248	
-	Vốn ngân sách huyện	67.700	49.266	72,77	18.434	
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	500	-	0,0	500	
3	Kế hoạch vốn chưa phân bổ	13.169	-	0,0	13.169	
4	BTXM các xã	3.331	-	-	-	
4.1	- UBND xã Thuận Phú	1.983				
4.2	- UBND xã Đồng Tâm	334				
4.3	- UBND xã Tân Tiến	313				
4.5	- UBND xã Đồng Tiến	701				
4.4	- UBND xã Thuận Lợi					Chưa phân bổ
4.6	- UBND xã Tân Hưng					Chưa phân bổ
4.7	- UBND xã Tân Lập					Chưa phân bổ
4.8	- UBND xã Tân Hòa					Chưa phân bổ

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 217/BND-ĐT/UBND huyện ngày 26/5/2025 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025	Giải ngân đến ngày 11/5/2025	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG (1+2)	91.700	49.266	128.377	36.677	0
1	Nguồn vốn tinh phân cấp theo định mức	28.600	26.761	28.600	0	Chỉ tiết theo Biểu số 02
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	44.100	22.505	73.500	29.400	
3	Vốn Chương trình MTQG nông thôn mới	9.000	0	12.000	3.000	
3.1	Nông thôn mới nâng cao xã Tân Lợi	9.000	0	6.000	-3.000	
3.2	Nông thôn mới kiểu mẫu xã Thuận Phú	0	0	6.000	6.000	
4	Vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.000	0	10.000	0	
5	Kết dư xây dựng cơ bản năm 2024	0	0	4.277	4.277	

DANH MỤC DỰ AN NĂM 2024

Kế hoạch chi tiêu năm 2025 của UBND huyện Đông Phú

21
7



Kế hoạch chi tiêu năm 2025 của UBND huyện Đông Phú

14.1. Triệu đồng

STT	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Tỷ lệ kế hoạch vốn đã hỗ trợ và giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025			Giải ngân đến 31/5/2025	Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2025				Chênh lệch: Tăng (+) Giảm (-)	Ghi chú
						Tổng số		Trong đó		Tổng số	Trong đó				
						Tổng số	Nguồn vốn tỉnh phân cấp				Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG			715.374	351.214	67.200	27.100	40.100	48.290	95.970	26.600	65.093	4.277	28.770	
I	Danh mục giao thông, quy hoạch			290.450	135.417	22.500	9.900	12.600	18.735	25.518	9.400	16.118	0	3.018	
	Đường giao thông xã, thôn, xóm, liên thôn, liên xã	Huyện	Số 2/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	180.000	52.500	15.000	5.000	10.000	15.000	15.000	8.000	10.000	0	0	
	Đường giao thông xã, thôn, xóm, liên thôn, liên xã	Huyện	Số 2/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	8.000	7.000	1.000	400	600	67	1.000	400	600	0	0	
	Đường giao thông xã, thôn, xóm, liên thôn, liên xã	Huyện	Số 2/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	90.000	73.000	4.000	2.000	2.000	1.668	4.000	2.000	2.000	0	0	
	Đường giao thông xã, thôn, xóm, liên thôn, liên xã	Huyện	Số 2/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	8.800	2.917	2.000	2.000	0	2.000	5.518	2.000	3.518	0	3.518	
	Đường giao thông xã, thôn, xóm, liên thôn, liên xã	Huyện	Số 2/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	3.000	0	800	500	0	0	0	0	0	0	0	
II	Danh mục xây dựng dân dụng			62.600	18.179	20.800	7.800	13.000	20.226	33.045	7.800	25.245	0	12.245	
	Đường giao thông xã, thôn, xóm, liên thôn, liên xã	Huyện	Số 2/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	58.800	15.359	20.000	7.000	13.000	19.426	32.107	7.000	25.107	0	12.107	
	Đường giao thông xã, thôn, xóm, liên thôn, liên xã	Huyện	Số 2/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	3.800	2.820	800	800	0	800	938	800	138	0	138	
III	Danh mục trường học đại chúng quốc gia			45.900	31.713	3.900	3.900	0	3.766	13.905	3.900	5.728	4.277	10.005	
	Trường học đại chúng quốc gia	Huyện	Số 2/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	3.200	2.495	700	700	0	566	700	700	0	0	0	
	Trường học đại chúng quốc gia	Huyện	Số 2/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	8.400	4.000	3.000	2.000	0	3.000	4.352	2.000	2.352	0	2.352	
	Trường học đại chúng quốc gia	Huyện	Số 2/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019	15.000	11.000	1.200	1.200	0	1.200	2.600	2.000	600	4.277	10.005	

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 - HUYỆN ĐÔNG PHÚ

(Kèm theo Báo cáo số 217/HĐNN ngày 26/5/2025 của UBND huyện)

Đơn: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kế thuật	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025					Giải ngân đến 11/5/2025	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025						Chênh lệch: Tăng (+) Giảm (-)	Ghi chú
					Tổng kế hoạch vốn năm 2025	Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN	Tổng Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2025		Trong đó							
											Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụngđất	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn CT MTQG phát triển KTXH vùng ĐBDTTS và MN	Kết dư XDCB năm 2024			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+...+17	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)			417.060	91.700	28.600	44.100	9.000	10.000	49.266	128.377	28.600	73.500	12.000	10.000	4.277	36.677	
A	DANH MỤC CHUYỂN TIẾP NĂM 2024			393.982	67.200	27.100	40.100	0	0	48.290	95.970	26.600	65.093	0	0	4.277	28.770	Phụ lục 6.1
B	BỔ TRÍ VỐN THEO CƠ CẤU			1.000	1.000	1.000	0	0	0	476	4.721	1.014	3.707	0	0	0	3.721	
I	Bổ trí tất toán các công trình đã quyết toán			500	500	500	0	0	0	476	4.721	1.014	3.707	0	0	0	4.221	Phụ lục 6.2
II	Bổ trí các danh mục chuẩn bị đầu tư			500	500	500	0	0	0		0	0	0	0	0		-500	Không thực hiện
C	DANH MỤC ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2025			22.078	13.500	500	4.000	9.000	0	500	17.686	986	4.700	12.000	0	0	4.186	
I	Đầu tư Trường chuẩn Quốc gia			1.000	500	500	0	0	0	500	986	986	0	0	0	0	486	
I	Mua sắm thiết bị 10 phòng (04 phòng phục vụ học tập và 06 phòng học) Trường MN Thuận Phú	Ban QL.CDA huyện	1222-QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của UBND huyện	1.000	500	500	0	0	0	500	986	986	0	0	0	0	486	Đã sớm được vốn
II	Chương trình MTQG nông thôn mới			21.078	13.000	0	4.000	9.000	0	0	16.700	0	4.700	12.000	0	0	3.700	
I	Xây dựng đường BTXM các tuyến đường giao thông nông thôn các xã	UBND các xã		8.308	4.000	0	4.000	0	0	0	4.700	0	4.700	0	0		700	Phụ lục 6.3
2	Nông thôn mới nâng cao xã Tân Lợi			6.000	9.000	0	0	9.000	0	0	6.000	0	0	6.000	0	0	-3.000	
2.1	Kế hoạch vốn đầu năm dự kiến giao			9.000	9.000	0	0	9.000	0	0	0	0	0	0	0	0	-9.000	KHÝ đầu năm chưa phân bổ
2.2	Mở rộng đường từ Trung tâm xã di Thạch Mãng (đoạn từ ngã ba Đồng Bua đến ngã ba đường Ba Phương út Linh)	UBND xã Tân lợi	1486/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND huyện	6.000	0	0	0	0	0	0	6.000	0	0	6.000	0		6.000	
3	Nông thôn mới kiểu mẫu xã Thuận Phú			6.770	0	0	0	0	0	0	6.000	0	0	6.000	0	0	6.000	
3.1	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường Thuận Phú 1 từ ngã ba nhà thờ đến hộ bà Nguyễn Thị Ninh	UBND xã Thuận Phú		938	0	0	0	0	0	0	750	0	0	750	0		750	
3.2	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT ấp Đồng Bua từ ĐL 758 - trại gà Hưng Nhôm đến ngã ba nhà văn hóa	UBND xã Thuận Phú		2.906	0	0	0	0	0	0	3.250	0	0	3.250	0		3.250	
3.3	Xây dựng Công viên tương đài xã Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú		2.926	0	0	0	0	0	0	2.000	0	0	2.000	0		2.000	
D	Vốn Chương trình MTQG, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			10.000	10.000				10.000		10.000	0	0	0	10.000	0	0	Giao UBND huyện phân bổ chi tiết khi được UBND tỉnh giao vốn

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025			Giải ngân đến 11/5/2025	Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2025				Chênh lệch: Tăng (+) Giảm (-)	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
							Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Kết dư XDCB năm 2024		
1	2	3	4	5	6	7-8-9	8	9	10	11-12-13-14	12	13	14	15-11-7	16
4	Dự án xây dựng 40 phòng học Trường đạt chuẩn quốc gia và Chương trình giao giáo dục phổ thông	Ban QL.CĐA huyện	2456/QĐ-UBND ngày 12/7/2023	28.000	21.618	0	0	0	0	6.184		1.907	4.277	6.184	Đã hoàn thành
IV	Chương trình MTQG nông thôn mới			22.000	12.100	5.500	5.500	0	5.485	9.924	5.500	4.424	0	4.424	
1	Xây dựng 04 phòng chức năng điểm chỉnh, 01 phòng học điểm lẻ, các hạng mục phụ trợ và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường MN Tân Phước	Ban QL.CĐA huyện	5074/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	8.300	5.000	2.000	2.000	0	2.000	3.183	2.000	1.183	0	1.183	Đã hoàn thành
2	Nâng cấp làng nhựa Đường Cây Diệp – Nam Đồ (từ đường Tam Sơn - Tân Phước đến điểm trường tiểu học ấp Nam Đồ)	Ban QL.CĐA huyện	5075/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	6.500	3.500	1.500	1.500	0	1.500	2.903	1.500	1.403	0	1.403	Đã hoàn thành
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng, nhà xe và mua sắm thiết bị các phòng chức năng Trường TH Đồng Tiến	Ban QL.CĐA huyện	5076/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	7.200	3.064	2.000	2.000	0	1.985	3.838	2.000	1.838	0	1.838	Đã hoàn thành
V	Các công trình chuyển tiếp vương GPMB			294.424	153.805	14.500	0	14.500	78	13.578	0	13.578	0	-922	
1	Xây dựng đường quy hoạch D1- khu TTHC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	Ban QL.CĐA huyện	4541/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	5.500	5.400	1.000	0	1.000	0	1.000	0	1.000	0	0	Bố trí chi phí GPMB dự kiến, UBND huyện điều chỉnh bổ sung sau khi phê duyệt phương án thể
2	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QL.CĐA huyện	4541/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	7.787	2.500	500	0	500	0	0	0	0	0	-500	Ban QL.CĐA đề nghị dừng thực hiện (thanh toán tạm ứng)
3	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QL.CĐA huyện	4537/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	8.369	5.000	500	0	500	0	500	0	500	0	0	-NT-
4	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QL.CĐA huyện	662/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	12.414	5.337	500	0	500	0	500	0	500	0	0	-NT-
5	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QL.CĐA huyện	668/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	48.717	22.952	5.000	0	5.000	0	4.578	0	4.578	0	-422	-NT-

STT	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	Tổng mức đầu tư	Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2024	Kế hoạch vốn năm 2025			Giải ngân đến 11/5/2025	Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2025				Chênh lệch: Tăng (+) Giảm (-)	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
							Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Nguồn vốn tỉnh phân cấp	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Kết dư XDCB năm 2024		
						7-8-9	8	9	10	11-12-13-14	12	13	14	15-11-7	16
6	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đò đến DT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	Huyện QL CDA huyện	10008/QĐ UBND ngày 30/12/2021	6.000	5.900	1.000	0	1.000	0	1.000	0	1.000	0	0	-NT-
7	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đò đến DT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Huyện QL CDA huyện	668/QĐ UBND ngày 01/3/2023	26.638	8.400	500	0	500	0	500	0	500	0	0	-NT-
8	Sửa lập mặt bằng QL KĐ6 cấp 4, xã Đồng Lâm	Huyện QL CDA huyện	668/QĐ UBND ngày 01/3/2023	2.100	2.039	500	0	500	0	500	0	500	0	0	-NT-
9	Tuyến số 1 (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 02) Đầu tuyến giao với đường DT 741 (khoảng Km51+450) cấp 2, xã Tân Lập), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giao đường trực khu tại định cư khoảng Km35), dài 10,48Km, quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến 5,6/10,48Km, lộ giới 32m	Huyện QL CDA huyện	QĐ số 663 ngày 01/3/2023	69.303	26.125	1.000	0	1.000	0	1.000	0	1.000	0	0	-NT-
10	Tuyến số 2 (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03) Đầu tuyến giao với đường DT 741 (khoảng Km53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giao đường trực KCN tại khoảng Km32+600), Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,8Km, lộ giới 65m	Huyện QL CDA huyện	QĐ số 664 ngày 01/3/2023	46.132	40.366	2.000	0	2.000	78	2.000	0	2.000	0	0	-NT-
11	Tuyến số 4 (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 05) Đầu tuyến giao với đường DT 741 (khoảng Km60+100) cuối tuyến giao với đường Đồng Phú – Bình Dương (giao đường trực KCN tại khoảng Km27+600) Quy mô: Chiều dài tuyến 8,2/10,5Km, lộ giới 42m	Huyện QL CDA huyện	QĐ số 665 ngày 01/3/2023	61.464	29.786	2.000	0	2.000	0	2.000	0	2.000	0	0	-NT-

BIỂU BỐ TRÍ VỐN TÀI TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN
(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 28/5/2025 của UBND huyện Đồng Phú)
7

Phụ lục 6. 2

DVT: Đồng

STT	Danh mục công trình	Mã DA	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đã phân bổ năm 2025 (Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức)	Kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung năm 2025	Cộng	Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Chênh lệch: Tăng (+), Giảm (-)	Quyết định phê duyệt quyết toán số	Ghi chú
				09/5/2025	09/5/2025						
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=7-5	11	12
	Tổng cộng			500.000.000	475.400.000	4.720.923.402	1.014.000.000	3.706.923.402	4.220.923.402		
1	Xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Tân Tiến	7699574	Ban quản lý các dự án huyện	21.618.000	21.618.000	21.618.000	21.618.000	0	0	1086/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND huyện	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú	7922501	Ban quản lý các dự án huyện	13.493.127	13.493.127	13.493.127	13.493.127	0	0	15/QĐ-TCKH/QT ngày 25/5/2023 của Phòng Tài chính-KH	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Xây dựng đường vào Diêm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, xã Đồng Tâm	7964831	Ban quản lý các dự án huyện	30.763.823	30.763.823	50.000.000	50.000.000	0	19.236.177	40/QĐ-TCKH/QT ngày 11/7/2024 của Phòng Tài chính-KH	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Xây dựng đường DH Thuận Phú - Thuận Lợi (từ DT 758 vào ấp Đồng Búa), xã Thuận Phú	7950888	Ban quản lý các dự án huyện	113.748.560	89.148.560	113.748.560	113.748.560	0	0	64/QĐ-TCKH/QT ngày 20/12/2024 của Phòng Tài chính-KH	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ DT 753 đi nghĩa trang Nhân dân huyện Đồng Phú	7946625	Ban quản lý các dự án huyện	173.781.818	173.781.818	173.781.818	173.781.818	0	0	28/QĐ-TCKH/QT ngày 14/5/2024 của Phòng Tài chính-KH	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Xây dựng chỉnh trang Công viên Khu Dân cư tập trung huyện	7981048	Ban quản lý các dự án huyện	146.594.672	146.594.672	146.594.672	146.594.672	0	0	77/QĐ-TCKH/QT ngày 30/12/2024 của Phòng Tài chính-KH	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Xây dựng Nhà làm việc một cửa và khoi đoàn thể xã Tân Hòa	8015993	Ban quản lý các dự án huyện	0	0	10.693.319	0	10.693.319	10.693.319	73/QĐ-TCKH ngày 27/12/2024 của Phòng Tài chính-KH	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Xây dựng đường từ DT.753 ấp suối Đa đến ấp 5, xã Tân Hưng	7954087	Ban quản lý các dự án huyện	0	0	117.061.064	0	117.061.064	117.061.064	65/QĐ-TCKH ngày 20/12/2024 của Phòng Tài chính-KH	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Xây dựng đường tổ 8, tổ 10 khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	7948329	Ban quản lý các dự án huyện	0	0	39.076.363	0	39.076.363	39.076.363	59/QĐ-TCKH ngày 12/11/2024 của Phòng Tài chính-KH	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Xây dựng đường GINTI ấp Phước Tiến đi ấp Nam Đỏ, xã Tân Phước	7958792	Ban quản lý các dự án huyện	0	0	244.853.000	0	244.853.000	244.853.000	46/QĐ-TCKH ngày 9/8/2024 của Phòng Tài chính-KH	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Xây dựng hệ thống thoát nước các tuyến đường khu Dân cư tập trung, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	8021160	Ban quản lý các dự án huyện	0	0	1.887.214.511	0	1.887.214.511	1.887.214.511	Đã quyết toán A-B	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Nâng cấp đường GINTI từ DT1741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4, xã Tân Lập (TALA12)	7952734	Ban quản lý các dự án huyện	0	0	157.286.673	0	157.286.673	157.286.673	Đã quyết toán A-B	Không vượt tổng mức đầu tư

13	Nâng cấp cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Uí Linh kết nối xã Tân Lợi và Tân Hưng (Giai đoạn 2; 1,8km)	8096396	Ban quản lý các dự án huyện	0	0	142.686.612	0	142.686.612	142.686.612	26/QĐ-TC KH ngày 29/4/2025 của Phòng Tài chính-KH Công trình CMTQG phát triển KTXH vùng ĐBĐTLIS năm 2024	Không vượt tổng mức đầu tư; vốn huyện đối ứng theo quy định
14	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT từ khu sinh thái ấp 1 kết nối xã Thuận Lợi và Đồng Tâm, huyện Đồng Phú dài 2km	8096635	Ban quản lý các dự án huyện	0	0	146.764.984	0	146.764.984	146.764.984	29/QĐ-TC KH ngày 29/4/2025 của Phòng Tài chính-KH Công trình CMTQG phát triển KTXH vùng ĐBĐTLIS năm 2024	Không vượt tổng mức đầu tư; vốn huyện đối ứng theo quy định
15	Dầu tư xây dựng nối dài các đường tổ dân phố nối với đường DH KCN Phía Tây Nam Đồng Xoài, xã Tân Tiến (tổ 1, tổ 15, tổ 17, tổ 29, tổ 39, tổ 43...)	8021156	Ban quản lý các dự án huyện	0	0	167.041.811	0	167.041.811	167.041.811	Đã quyết toán A-B	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Dầu tư xây dựng nối dài các đường tổ dân phố nối với đường DH KCN Phía Tây Nam Đồng Xoài, xã Tân Lập (tổ 20, tổ 26, tổ 30, tổ 36, tổ 46...)	8021161	Ban quản lý các dự án huyện	0	0	91.341.982	0	91.341.982	91.341.982	Đã quyết toán A-B	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Xây dựng đường BTXM từ đường tổ 9 ấp 2 đến khu dân cư ấp 1 (đầu tuyến thửa đất số 61, tờ bản đồ số 48 đến điểm cuối tuyến thửa đất số 6 tờ bản đồ số 58)	8087097	UBND xã Tân Lập	0	0	834.327.844	391.594.250	442.733.594	834.327.844	96/QĐ-UBND ngày 6/5/2025 của UBND xã Tân Lập	Không vượt tổng mức đầu tư
18	Xây dựng đường BTXM đầu nối với đường tổ 47 ấp 4 (Thửa số 10, tờ bản đồ số 23)	8087092	UBND xã Tân Lập	0	0	103.169.573	103.169.573	0	103.169.573	94/QĐ-UBND ngày 6/5/2025 của UBND xã Tân Lập	Không vượt tổng mức đầu tư
19	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	7963256	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	0	0	151.339.169	0	151.339.169	151.339.169	Đã quyết toán A-B	Không vượt tổng mức đầu tư
20	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Màng xã Tân Lợi	7918675	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	0	0	81.531.482	0	81.531.482	81.531.482	Đã quyết toán A-B	Không vượt tổng mức đầu tư
21	Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Phú và các hạng mục phụ trợ	7973371	UBND xã Thuận Phú	0	0	27.298.838		27.298.838	27.298.838	10/QĐ-TC KH/Q1 ngày 26/2/2025 của Phòng Tài chính-KH	Không vượt tổng mức đầu tư

DANH MỤC KẾ HOẠCH XÂY DỰNG ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG THEO CƠ CHẾ ĐẠC THỦ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-UBND ngày 25/5/2025 của UBND huyện Đồng Phú)

DVT: Đồng

Stt	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư	Chiều dài (m)	Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Kế hoạch vốn năm 2025 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Ghi chú	
						Vốn NSNN hỗ trợ					Vốn Nhân dân đối ứng
						Tổng cộng	Tính hỗ trợ trực tiếp vật liệu (xi măng)	Hỗ trợ kinh phí			
1	2	3	4	5	6-7-10	7-8-9	8	9	10	11	12
	Tổng cộng (I+...+VI)		7.291		8.308.132.947	6.139.246.587	1.439.956.979	4.699.289.608	2.168.886.360	4.699.289.608	
I	UBND xã Thuận Phú		2.000		3.487.360.940	2.615.520.706	632.455.299	1.983.065.407	871.840.234	1.983.065.407	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Bùi Thị Thương đến nhà ông Nguyễn Công Thanh (Điểm đầu từ thửa đất số 383 đến thửa 446, tờ bản đồ số 28)	Cấp C	42	64/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	38.991.652	29.243.739	6.556.171	22.687.568	9.747.913	22.687.568	
2	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Văn Tịnh đến đất ông Khánh, ấp Bù Xăng (có 850 m nằm trong phạm vi đất của kênh thủy lợi); (Điểm đầu từ thửa số 118 tờ bản đồ số 50 đến thửa số 94 tờ bản đồ số 23)	Cấp B	1170	65/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	2.206.910.400	1.655.182.800	404.291.160	1.250.891.640	551.727.600	1.250.891.640	
3	Xây dựng đường BTXM từ đường nhựa liên ấp Thuận Hai đến nhà ông Phạm Văn Tạo (Điểm đầu từ thửa 43 đến thửa 218, tờ bản đồ số 52).	Cấp C	48	66/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	45.228.477	33.921.358	7.492.766	26.428.592	11.307.119	26.428.592	
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Đoàn Thị Diễm đến nhà bà Nguyễn Thị Lệ ấp Đồng Bua (Điểm đầu từ thửa số 260, 273 đến thửa số 286, tờ bản đồ số 4)	Cấp C	220	67/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	339.190.458	254.392.844	57.236.410	197.156.434	84.797.614	197.156.434	
5	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Hữu Đạo đến đất ông Lê Duy Huân, ấp Bù Xăng (Điểm đầu từ thửa số 178 đến thửa số 114, tờ bản đồ số 29)	Cấp B	220	68/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	291.165.492	218.374.119	53.214.392	165.159.727	72.791.373	165.159.727	

Stt	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư	Chiều dài (m)	Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã	Tổng mức đầu tư	Trong đó				Kế hoạch vốn năm 2025 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Ghi chú
						Vốn NSNN hỗ trợ			Vốn Nhân dân đối ứng		
						Tổng cộng	Tính hỗ trợ trực tiếp vật liệu (xi măng)	Hỗ trợ kinh phí			
1	2	3	4	5	6-7+10	7-8+9	8	9	10	11	12
6	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Quý Hà đến đất nhà bà Nguyễn Thị Từ, ấp Thuận Hải (Điểm đầu từ thửa số 61 đến thửa số 44, tờ bản đồ số 64-TĐ)	Cấp B	300	69/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	565.874.461	424.405.846	103.664.400	320.741.446	141.468.615	320.741.446	
II	UBND xã Đồng Tâm		600		569.740.214	427.305.161	93.659.580	333.645.581	142.435.053	333.645.581	
1	Xây dựng đường BTXM ấp 4 từ nhà ông Chiêm Tôn Hàng đến rẫy ông Đặng Văn Muộn (Điểm đầu từ thửa số 235 tờ bản đồ số 63 điểm cuối thửa số 212 tờ bản đồ số 63)	Cấp C	250	53/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	237.391.756	178.043.817	39.024.825	139.018.992	59.347.939	139.018.992	
2	Xây dựng đường BTXM ấp 1 từ nhà ông Đàm Văn Toàn đến nhà ông Mai Văn Luận (Điểm đầu từ thửa số 134 tờ bản đồ số 22 điểm cuối thửa số 21 tờ bản đồ số 22)	Cấp C	350	54/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	332.348.458	249.261.344	54.634.755	194.626.589	83.087.114	194.626.589	
III	UBND xã Tân Tiến		580		538.138.604	403.603.952	90.537.594	313.066.358	134.534.652	313.066.358	
1	Mở rộng 2 bên đường BTXM tờ 9 ấp Minh Hòa (Điểm đầu từ thửa số 20 tờ bản đồ số 59 điểm cuối thửa số 98 tờ bản đồ số 56)	Cấp C	290	71/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	269.069.302	201.801.976	45.268.797	156.533.179	67.267.326	156.533.179	
2	Mở rộng 2 bên đường BTXM tờ 19 ấp Minh Tân (Điểm đầu từ thửa số 60 tờ bản đồ số 57 điểm cuối thửa số 290 tờ bản đồ số 54)	Cấp C	290	72/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	269.069.302	201.801.976	45.268.797	156.533.179	67.267.326	156.533.179	
IV	UBND xã Đồng Tiến		1.415		1.316.802.737	921.761.916	220.880.510	700.881.406	395.040.821	700.881.406	
1	Xây dựng đường BTXM đường đội 1, ấp 6 (Điểm đầu từ thửa số 11 tờ bản đồ số 51 điểm cuối thửa số 04 tờ bản đồ số 43)	Cấp C	1.000	89/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	930.602.640	651.421.848	156.099.300	495.322.548	279.180.792	495.322.548	
2	Xây dựng đường BTXM nối dài đường đội 1, ấp 5 nối dài (Điểm đầu từ thửa số 40, tờ bản đồ số 9 điểm cuối thửa số 28 tờ bản đồ số 37)	Cấp C	415	90/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	386.200.097	270.340.068	64.781.210	205.558.858	115.860.029	205.558.858	

Stt	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư	Chiều dài (m)	Quyết định phê duyệt dự toán của UBND xã	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Kế hoạch vốn năm 2025 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Ghi chú	
						Vốn NSNN hỗ trợ					Vốn Nhân dân đối ứng
						Tổng cộng	Tính hỗ trợ trực tiếp vật liệu (xi măng)	Hỗ trợ kinh phí			
1	2	3	4	5	6=7+10	7=8+9	8	9	10	11	12
V	UBND xã Tân Hưng		900		837.542.376	586.279.664	140.489.370	445.790.294	251.262.712	445.790.294	
1	Xây dựng đường BTXM đi nhà ông Trịnh Văn Hòa, ấp Cây Cây (Điểm đầu từ thửa số 355 tờ bản đồ số 6 điểm cuối thửa số 357 tờ bản đồ số 6)	Cấp C	900	53/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	837.542.376	586.279.664	140.489.370	445.790.294	251.262.712	445.790.294	
VI	UBND xã Thuận Lợi		1.796		1.110.006.059	848.368.675	186.070.366	662.298.309	261.637.384	662.298.309	
1	Mở rộng 2 bên đường tổ 2, ấp Thuận Bình (từ thửa số 42 tờ bản đồ số 50 điểm cuối thửa số 113 tờ bản đồ số 41)	Cấp C	780	144/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	486.063.427	364.547.570	81.171.636	283.375.934	121.515.857	283.375.934	
2	Xây dựng sân BTXM và đường BTXM đầu nối vào nhà Văn hóa ấp Thuận Thành 2 (Tờ bản đồ 96, Thửa số 57)	Cấp C	516	110/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	158.641.312	134.845.115	26.849.080	107.996.035	23.796.197	107.996.035	
3	Xây dựng đường BTXM tổ 7, ấp Thuận Tiến (từ thửa số 28, 2.50, 129, tờ bản đồ số 63, 55, 46)	Cấp C	500	145/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	465.301.320	348.975.990	78.049.650	270.926.340	116.325.330	270.926.340	
VII	UBND xã Tân Lập		486		448.542.017	336.406.513	75.864.260	260.542.253	112.135.504	260.542.253	
1	Xây dựng đường BTXM Tổ 22, ấp 5 (Điểm đầu từ thửa số 34 tờ bản đồ số 45 điểm cuối thửa số 27 tờ bản đồ số 45)	Cấp C	410	86/QĐ-UBND ngày 22/4/2025	378.399.645	283.799.734	64.000.713	219.799.021	94.599.911	219.799.021	
2	Xây dựng đường BTXM ấp 4 từ nhà ông Nguyễn Văn Bình đến nhà ông Nguyễn Trọng Quyền (Điểm đầu từ thửa số 17 tờ bản đồ số 33 điểm cuối thửa số 24 tờ bản đồ số 33)	Cấp C	76	110/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	70.142.372	52.606.779	11.863.547	40.743.232	17.535.593	40.743.232	